TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quang Vinh;
2. Bà Võ Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 và ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022; về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1993 *(có mặt)*.
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 2000 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B có thời gian quen biết tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016, đến ngày 03/01/2019 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn với nhau.

Nguyên nhân do chị B có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến anh, chị B còn có lời lẽ xúc phạm đến anh và gia đình anh, anh Q đã nhiều lần

khuyên bảo nhưng chị B không thay đổi; vào tháng 4/2020 chị B bỏ nhà đi, anh có tìm chị B để hàn gắn tình cảm, nhưng chỉ chung sống được khoảng 20 ngày thì chị B tiếp tục bỏ nhà đi, nên anh sống ly thân với chị B đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được; hiện nay anh không còn tình cảm với chị B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B theo quy định.

Về con chung: Có 01 người con là cháu Trần Thị Nhã Th, sinh ngày 12/7/2017 hiện anh đang nuôi dưỡng từ ngày ly thân đến nay, nên anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị B tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị B*: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định gồm Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với chị B.

Nhưng đến nay chị B vẫn cố tình vắng mặt (không có lý do), không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị B làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại các Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định cho chị B gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa; nhưng chị B vẫn cố tình vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định.

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Q và chị B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B theo quy định pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định, nhưng trong suốt trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay chị B vẫn cố tình vắng mặt (không có lý do), nên không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy, anh Q và chị B ly thân với nhau từ tháng 4/2020 đến nay không có hàn gắn tình cảm lại được; nguyên nhân do lỗi ở chị B trong thời gian chung sống có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến anh Q; chị B còn có lời lẽ xúc phạm đến anh Q và gia đình anh Q; anh Q đã nhiều lần khuyên can nhưng chị B không thay đổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q đối với chị B, là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Vì vậy, căn cứ vào quy định trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Q đối với chị Nguyễn Thị B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Cháu Trần Thị Nhã Th, sinh ngày 12/7/2017 hiện đang sống với anh Q; anh Q có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. chị B không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu Th.

Xét thấy, hiện nay anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th; từ khi anh và chị B ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, anh Q đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Th; hiện nay anh Q đang có thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng cháu Th; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q, về việc yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Nhã Th là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, giao cho anh Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Nhã Th, đến khi cháu Th đủ 18 tuổi; chị B khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Q không có yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, anh Q trình bày để anh và chị B tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác, hiện nay không có yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q đối với chị B, về việc ly hôn và nuôi con theo quy định pháp luật.

Anh Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Q đối với chị Nguyễn Thị B.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Q đối với chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Q; giao cho anh Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Nhã Th, sinh ngày 12/7/2017 đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, chị B khỏi phải cấp dưỡng nuôi cháu Th, do anh Q không có yêu cầu cấp dưỡng.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, để anh và chị B tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo theo ký hiệu biên lai thu 14BE-21 số: 0010006 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Chị Nguyễn Thị B không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án; chị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều